

Số: 74/2021/WSB

Cần Thơ, ngày 04 tháng 3 năm 2021

(Về việc công bố thông tin
Báo cáo tài chính hợp nhất
đã kiểm toán năm 2020)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ đăng tải nội dung báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Lê Đăng Khoa

Số: **76** /2021/WSB
(Về việc giải trình chênh
lệch lợi nhuận sau thuế
2020 so với 2019 trong
BCTC hợp nhất 2020)

Cần Thơ, ngày **04** tháng **3** năm 2021

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 2020 so với 2019 trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 so với năm 2019 giảm 29,1% là do:

- Doanh thu từ bán hàng hóa cung cấp dịch vụ giảm 20,6 %
- Lãi trong công ty liên doanh, liên kết giảm 86,4 %;

Địa chỉ đăng tải nội dung báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu HC.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Lê Đăng Khoa



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 2 tháng 1 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Phạm Đình Hùng
Ông Nguyễn Văn Đồi
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa
Ông Phạm Minh Quân
Ông Võ Văn Vân

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Neo Gim Siong Bennett
Ông Lê Đăng Khoa

Chủ tịch
Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Cần Thơ, ngày 24 tháng 2 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00316-21-4



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2021

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 254.224.629.330 | 290.424.496.846 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 64.349.702.229 | 58.872.513.246 |
| Tiền | 111 | | 215.702.229 | 172.513.246 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 64.134.000.000 | 58.700.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 109.629.000.000 | 129.620.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 7(a) | 109.629.000.000 | 129.620.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 16.641.313.904 | 19.909.950.923 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 8 | 15.145.629.300 | 15.590.456.548 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 281.241.264 | 2.347.803.925 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 1.214.443.340 | 1.971.690.450 |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 63.503.089.236 | 81.984.666.441 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 65.280.495.802 | 84.375.653.918 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.777.406.566) | (2.390.987.477) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 101.523.961 | 37.366.236 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 101.523.961 | 37.366.236 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 582.942.661.952 | 642.873.383.773 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 3.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | 3.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 507.771.624.979 | 557.736.408.241 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 507.771.624.979 | 557.736.408.241 |
| Nguyên giá | 222 | | 986.632.866.175 | 970.101.834.549 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (478.861.241.196) | (412.365.426.308) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | 73.881.710 | 73.881.710 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (73.881.710) | (73.881.710) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 11 | 4.963.159.470 | 6.051.703.398 |
| Nguyên giá | 231 | | 12.588.185.818 | 12.588.185.818 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (7.625.026.348) | (6.536.482.420) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 725.663.402 | 7.922.181.819 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 725.663.402 | 7.922.181.819 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 7(b) | 53.918.112.632 | 55.485.977.262 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | | 37.782.210.432 | 39.669.672.622 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 16.135.902.200 | 16.135.902.200 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | (319.597.560) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 15.564.101.469 | 15.674.113.053 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | 13.486.666.657 | 15.674.113.053 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 2.077.434.812 | - |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 837.167.291.282 | 933.297.880.619 |

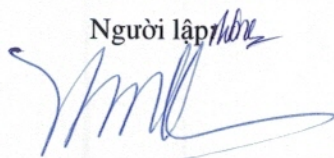
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 164.724.599.835 | 288.748.190.739 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 157.642.915.964 | 281.882.231.868 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 12.939.303.739 | 19.643.046.443 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | 3.320.300 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 105.776.268.829 | 79.017.246.429 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 8.818.260.153 | 9.947.877.394 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 4.949.236.545 | 3.537.439.156 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 9.116.749.337 | 9.825.366.570 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 17 | - | 144.973.056.278 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 18 | 16.043.097.361 | 14.934.879.298 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 7.081.683.871 | 6.865.958.871 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | 511.050.000 | 261.500.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 19 | 6.570.633.871 | 6.604.458.871 |
| Vốn chủ sở hữu (400 = 410) | 400 | | 672.442.691.447 | 644.549.689.880 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 672.442.691.447 | 644.549.689.880 |
| Vốn cổ phần | 411 | 21 | 145.000.000.000 | 145.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 145.000.000.000 | 145.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 23 | 219.010.945.308 | 219.010.945.308 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 308.431.746.139 | 280.538.744.572 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 236.664.265.156 | 161.195.454.316 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 71.767.480.983 | 119.343.290.256 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 837.167.291.282 | 933.297.880.619 |

Ngày 24 tháng 2 năm 2021

Người lập:


Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

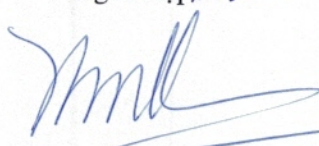
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2020 VND | 2019 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 25 | 818.032.184.143 | 1.029.640.138.587 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 26 | 680.948.332.270 | 828.124.095.637 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 137.083.851.873 | 201.516.042.950 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 12.568.669.467 | 6.938.956.406 |
| Chi phí tài chính | 22 | 28 | 3.311.302.326 | 5.737.560.761 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.630.899.886 | 6.267.610.001 |
| Phần lãi trong công ty liên kết | 24 | 7(b) | 514.937.810 | 3.784.548.523 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | 103.202.447 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 21.002.496.896 | 25.450.246.893 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)} | 30 | | 125.853.659.928 | 180.948.537.778 |
| Thu nhập khác | 31 | | 603.454.890 | 418.918.142 |
| Chi phí khác | 32 | | 30.136.359 | 21.479.044 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 573.318.531 | 397.439.098 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 126.426.978.459 | 181.345.976.876 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 14.177.679.597 | 20.068.575.149 |
| Lợi ích thuế TNDN hoãn lại | 52 | 31 | (2.077.434.812) | - |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 114.326.733.674 | 161.277.401.727 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 6.988 | 9.976 |

Ngày 24 tháng 2 năm 2021

Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 2020 VND | 2019 VND |
|--|------------------------------|------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 126.426.978.459 | 181.345.976.876 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 69.207.359.754 | 68.047.160.669 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (933.178.471) | 1.747.935.292 |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 05 | (8.784.955.010) | (4.479.607.306) |
| Thu nhập từ cổ tức | 05 | (3.783.614.000) | (2.459.349.100) |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 05 | (460.136.364) | (77.090.909) |
| Phần lãi trong công ty liên kết | 05 | (514.937.810) | (3.784.548.523) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 3.630.899.886 | 6.267.610.001 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 184.788.416.444 | 246.608.087.000 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | 576.768.030 | 24.055.056.009 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | 19.095.158.116 | (11.002.558.462) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 23.219.174.959 | (21.924.852.476) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 2.123.288.671 | 5.812.533.473 |
| | | 229.802.806.220 | 243.548.265.544 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (3.843.021.386) | (6.239.798.734) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (15.798.294.975) | (18.025.227.954) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (11.925.606.937) | (15.631.554.688) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 198.235.882.922 | 203.651.684.168 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định | 21 | (9.968.995.753) | (26.044.962.093) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 602.863.637 | 77.090.909 |
| Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn | 23 | (162.878.000.000) | (130.252.500.000) |
| Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | 24 | 182.869.000.000 | 632.500.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | 15.705.145.455 | 8.638.346.156 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 26.330.013.339 | (146.949.525.028) |

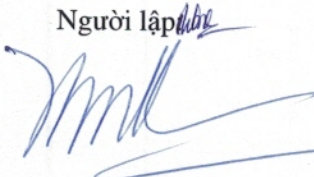
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 2020 VND | 2019 VND |
|---|----------------------|--------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 352.992.636.012 | 663.698.429.490 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (497.965.692.290) | (627.708.340.996) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (74.115.651.000) | (57.491.240.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (219.088.707.278) | (21.501.151.506) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 5.477.188.983 | 35.201.007.634 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 58.872.513.246 | 23.671.505.612 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 6 | 64.349.702.229 | 58.872.513.246 |

Ngày 24 tháng 2 năm 2021

Người lập

Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát và nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

| Tên Công ty | Địa chỉ | Hoạt động chính | % sở hữu và quyền biểu quyết | |
|---|---|---|------------------------------|----------|
| | | | 31/12/2020 | 1/1/2020 |
| Công ty con sở hữu trực tiếp | | | | |
| Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng | Huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng | Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát | 100% | 100% |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu | Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu | Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát | 20% | 20% |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 211 nhân viên (1/1/2020: 213 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 38 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 2 – 10 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 25 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty và công ty con. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2020 | 1/1/2020 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 187.113.400 | 80.359.900 |
| Tiền gửi ngân hàng | 28.588.829 | 92.153.346 |
| Các khoản tương đương tiền | 64.134.000.000 | 58.700.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 64.349.702.229 | 58.872.513.246 |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 4,6% một năm (1/1/2020: 5,0% đến 6,9% một năm).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,9% đến 6,3% một năm (1/1/2020: 6,6% đến 7,4% một năm).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2020 | | | 1/1/2020 | | | | |
|--|----------------------|------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu và quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị ghi sổ VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư vào: | | | | | | | | |
| Công ty liên kết | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Bạc Liêu | 2.402.400 | 20% | 37.782.210.432 | - | 28.108.080.000 | 2.402.400 | 20% | 39.669.672.622 |
| Đơn vị khác: | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô | 1.891.807 | 9,46% | 13.980.715.400 | - | (*) 1.891.807 | 13.980.715.400 | 9,46% | (*) |
| • Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (**) | 145.060 | 0,05% | 2.155.186.800 | - | (*) 145.060 | 2.155.186.800 | 1,28% | (*) |
| | | | 53.918.112.632 | - | | 55.805.574.822 | | (319.597.560) |

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ngày 4 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty nhận được thông báo chính thức của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC (“DCD”), công ty mà Nhóm Công ty đầu tư vào, thông báo DCD được sát nhập vào Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây Dựng (“DIG”), và do đó cổ phiếu của DCD không còn được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội. Nhóm Công ty được quyền hoán đổi cổ phiếu của DCD vào cổ phiếu của DIG theo tỷ lệ 1:1. Tại ngày báo cáo, thủ tục hoán đổi cổ phiếu vẫn đang được thực hiện.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

| | 2020 | 2019 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 39.669.672.622 | 39.488.724.099 |
| Phần lãi trong công ty liên kết | 514.937.810 | 3.784.548.523 |
| Cổ tức được chia | (2.402.400.000) | (3.603.600.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 37.782.210.432 | 39.669.672.622 |

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

| | Tổng tài sản | Tổng nợ phải trả | Tổng nguồn vốn | Lợi nhuận thuần sau thuế |
|--|---------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 306.015.093.336 | 117.104.041.172 | 188.911.052.164 | 2.574.689.051 |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 355.887.265.323 | 157.538.902.210 | 198.348.363.113 | 18.224.159.267 |

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

| | 2020 | 2019 |
|------------------------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 319.597.560 | 849.646.800 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (319.597.560) | (530.049.240) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | - | 319.597.560 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

| | 31/12/2020 | 1/1/2020 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 15.010.203.450 | 15.542.996.040 |
| Các khách hàng khác | 135.425.850 | 47.460.508 |
| | <hr/> | |
| | 15.145.629.300 | 15.590.456.548 |
| | <hr/> | |

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | 31/12/2020 | 1/1/2020 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| <i>Công ty mẹ</i> Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 15.010.203.450 | 15.542.996.040 |
| | <hr/> | |

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2020 | | 1/1/2020 | |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 13.100.000 | - | - | - |
| Nguyên vật liệu | 22.455.190.906 | - | 24.148.154.614 | - |
| Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế | 5.798.963.974 | (1.777.406.566) | 8.584.617.292 | (2.390.987.477) |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 25.036.030.448 | - | 23.130.351.223 | - |
| Thành phẩm | 11.617.538.324 | - | 28.360.644.039 | - |
| Hàng hóa | 359.672.150 | - | 151.886.750 | - |
| | 65.280.495.802 | (1.777.406.566) | 84.375.653.918 | (2.390.987.477) |

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 1.777 triệu VND (1/1/2020: 2.391 triệu VND) là phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2020 VND | 2019 VND |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 2.390.987.477 | - |
| Dự phòng trích lập trong năm | 560.953.636 | 2.390.987.477 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (1.174.534.547) | - |
| Số dư cuối năm | 1.777.406.566 | 2.390.987.477 |



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị quản lý VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 171.466.682.813 | 767.624.597.546 | 14.631.408.768 | 16.379.145.422 | 970.101.834.549 |
| Tăng trong năm | - | 3.322.065.277 | - | - | 3.322.065.277 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 1.524.181.816 | 13.450.512.744 | - | - | 14.974.694.560 |
| Thanh lý | - | (697.108.091) | (1.068.620.120) | - | (1.765.728.211) |
| Số dư cuối năm | 172.990.864.629 | 783.700.067.476 | 13.562.788.648 | 16.379.145.422 | 986.632.866.175 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 53.212.379.913 | 339.808.176.506 | 9.238.390.927 | 10.106.478.962 | 412.365.426.308 |
| Khấu hao trong năm | 8.420.571.635 | 57.073.174.404 | 1.168.751.409 | 1.456.318.378 | 68.118.815.826 |
| Thanh lý | - | (554.380.818) | (1.068.620.120) | - | (1.623.000.938) |
| Số dư cuối năm | 61.632.951.548 | 396.326.970.092 | 9.338.522.216 | 11.562.797.340 | 478.861.241.196 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 118.254.302.900 | 427.816.421.040 | 5.393.017.841 | 6.272.666.460 | 557.736.408.241 |
| Số dư cuối năm | 111.357.913.081 | 387.373.097.384 | 4.224.266.432 | 4.816.348.082 | 507.771.624.979 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 55.389 triệu VND (1/1/2020: 51.547 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 195.982 triệu VND (1/1/2020: 219.987 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 17).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND |
|-------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 12.588.185.818 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 6.536.482.420 |
| Khấu hao trong năm | 1.088.543.928 |
| Số dư cuối năm | 7.625.026.348 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 6.051.703.398 |
| Số dư cuối năm | 4.963.159.470 |

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2020 VND | 2019 VND |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 7.922.181.819 | - |
| Tăng trong năm | 7.778.176.143 | 19.191.877.393 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (14.974.694.560) | (11.269.695.574) |
| Số dư cuối năm | 725.663.402 | 7.922.181.819 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

| | Tiền thuê đất trả trước VND | Bao bì luân chuyển VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng VND |
|-------------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 12.138.244.228 | 2.921.688.644 | 614.180.181 | 15.674.113.053 |
| Tăng trong năm | - | 418.279.700 | 1.089.647.060 | 1.507.926.760 |
| Phân bổ trong năm | (515.407.581) | (2.461.477.158) | (718.488.417) | (3.695.373.156) |
| Số dư cuối năm | 11.622.836.647 | 878.491.186 | 985.338.824 | 13.486.666.657 |

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|--|---|-------------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 2.880.160.877 | 7.432.590.235 |
| Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng | 2.662.116.720 | 2.535.531.600 |
| Các nhà cung cấp khác | 7.397.026.142 | 9.674.924.608 |
| | 12.939.303.739 | 19.643.046.443 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|--|---|-------------------------|
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 2.880.160.877 | 7.432.590.235 |
| Bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co | - | 203.182.724 |

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2020 VND | Số phát sinh trong năm VND | Số đã nộp/cần trừ trong năm VND | 31/12/2020 VND |
|-------------------------------|-----------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 64.571.461.604 | 739.172.782.204 | (716.330.097.156) | 87.414.146.652 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.666.241.560 | 14.177.679.597 | (15.798.294.975) | 6.045.626.182 |
| Thuế giá trị gia tăng | 6.639.325.087 | 155.163.874.533 | (150.063.697.074) | 11.739.502.546 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 140.218.178 | 3.650.484.485 | (3.213.709.214) | 576.993.449 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 10.896.515 | (10.896.515) | - |
| Tiền thuê đất | - | 135.462.795 | (135.462.795) | - |
| Các loại thuế khác | - | 6.088.000 | (6.088.000) | - |
| | 79.017.246.429 | 912.317.268.129 | (885.558.245.729) | 105.776.268.829 |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|
| Cổ tức phải trả | 3.870.082.808 | 5.485.733.808 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 613.243.320 | 334.050.000 |
| Phải trả khác | 4.633.423.209 | 4.005.582.762 |
| | 9.116.749.337 | 9.825.366.570 |

17. Vay ngắn hạn

| | 1/1/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong năm | | 31/12/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND |
|---------------------|--|---------------------|-------------------|--|
| | | Tăng VND | Giảm VND | |
| Vay ngắn hạn (*) | 144.973.056.278 | 352.992.636.012 | (497.965.692.290) | - |

(*) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4. TP. Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 55.000 triệu VND và chịu lãi suất từ 4,8% đến 6,2% một năm. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng của Nhóm Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 195.982 triệu VND (1/1/2020: 219.987 triệu VND) (Thuyết minh 10). Thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Số dư đầu năm của khoản vay ngắn hạn đã được hoàn trả toàn bộ trong năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2020 | 2019 |
|---|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 14.934.879.298 | 17.123.617.826 |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 20) | 13.000.000.000 | 12.503.108.622 |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20) | - | 4.125.226.693 |
| Sử dụng trong năm | (11.891.781.937) | (15.405.887.433) |
| Chuyển sang quỹ công tác xã hội | - | (3.411.186.410) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 16.043.097.361 | 14.934.879.298 |

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

| | 2020 | 2019 |
|------------------------------|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 6.604.458.871 | 6.943.129.071 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | - | (113.002.945) |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (33.825.000) | (225.667.255) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 6.570.633.871 | 6.604.458.871 |



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|---|--------------------|---------------------------------|---|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | 145.000.000.000 | 219.010.945.308 | 165.320.681.009 | 529.331.626.317 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 161.277.401.727 | 161.277.401.727 |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | (29.000.000.000) | (29.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) | - | - | (12.503.108.622) | (12.503.108.622) |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) | - | - | (4.125.226.693) | (4.125.226.693) |
| Trích quỹ công tác xã hội | - | - | (431.002.849) | (431.002.849) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 | 145.000.000.000 | 219.010.945.308 | 280.538.744.572 | 644.549.689.880 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 114.326.733.674 | 114.326.733.674 |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | (72.500.000.000) | (72.500.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) | - | - | (13.000.000.000) | (13.000.000.000) |
| Trích quỹ công tác xã hội | - | - | (559.252.691) | (559.252.691) |
| Điều chỉnh quỹ công tác xã hội | - | - | (374.479.416) | (374.479.416) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 145.000.000.000 | 219.010.945.308 | 308.431.746.139 | 672.442.691.447 |



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2020 và 1/1/2020 | |
|---|-------------------------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 14.500.000 | 145.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 14.500.000 | 145.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 10 tháng 3 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 58.000 triệu VND, tương đương 4.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 7 năm 2020 và ngày 2 tháng 11 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông lần lượt là 29.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2019: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND từ lợi nhuận để lại năm 2019, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 1.332.972.460 | 1.298.386.486 |
| Từ hai đến năm năm | 5.559.350.261 | 5.455.246.480 |
| Sau năm năm | 36.550.975.177 | 37.988.051.418 |
| | 43.443.297.898 | 44.741.684.384 |

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2020 VND | 1/1/2020 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 1.140.642.002 | 5.778.493.943 |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 1.440.000.000 | 4.915.909.091 |
| | 2.580.642.002 | 10.694.403.034 |

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

| | Đơn vị | 31/12/2020 | 1/1/2020 |
|------|--------|------------|----------|
| Chai | Chai | 982.066 | 850.313 |
| Két | Két | 31.451 | 71.451 |
| | | | |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2020 | 2019 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 804.886.761.331 | 1.018.211.436.183 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i> | | |
| <i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | 1.544.059.543.535 | 1.918.581.760.430 |
| <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | (739.172.782.204) | (900.370.324.247) |
| ▪ Cung cấp dịch vụ | 1.523.314.784 | 1.636.140.365 |
| ▪ Doanh thu khác | 11.622.108.028 | 9.792.562.039 |
| | 818.032.184.143 | 1.029.640.138.587 |

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | 2020 | 2019 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | | |
| ▪ Giá vốn thành phẩm đã bán | 679.097.297.318 | 823.754.247.315 |
| ▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 1.139.924.880 | 1.270.684.611 |
| ▪ (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (613.580.911) | 2.390.987.477 |
| ▪ Giá vốn khác | 1.324.690.983 | 708.176.234 |
| | 680.948.332.270 | 828.124.095.637 |

27. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2020 | 2019 |
|--------------------------|----------------|---------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 8.784.955.010 | 4.479.607.306 |
| Cổ tức được chia | 3.783.614.000 | 2.459.349.100 |
| Doanh thu tài chính khác | 100.457 | - |
| | 12.568.669.467 | 6.938.956.406 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

| | 2020 | 2019 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 3.630.899.886 | 6.267.610.001 |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (319.597.560) | (530.049.240) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 3.311.302.326 | 5.737.560.761 |
| | <hr/> | <hr/> |

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2020 | 2019 |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 12.016.122.569 | 13.887.436.083 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 1.330.289.083 | 1.538.264.849 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.705.247.075 | 2.459.773.180 |
| Chi phí quản lý khác | 5.950.838.169 | 7.564.772.781 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 21.002.496.896 | 25.450.246.893 |
| | <hr/> | <hr/> |

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2020 | 2019 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 497.716.432.635 | 615.501.492.340 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 48.589.374.158 | 55.513.821.382 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 69.207.359.754 | 68.047.160.669 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 48.013.683.173 | 54.682.638.039 |
| Chi phí khác | 38.423.979.446 | 59.932.432.547 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2020 | 2019 |
|---|-----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 13.592.096.605 | 20.061.585.378 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước | 585.582.992 | 6.989.771 |
| | 14.177.679.597 | 20.068.575.149 |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | (2.077.434.812) | - |
| | 12.100.244.785 | 20.068.575.149 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2020 | 2019 |
|--|-----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 126.426.978.459 | 181.345.976.876 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 25.285.395.692 | 36.269.195.375 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 988.099.199 | 343.712.496 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (756.722.800) | (491.869.820) |
| Ưu đãi thuế | (3.874.582.776) | (5.576.218.406) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con | (7.476.738.596) | (11.603.328.098) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | (573.354.114) | 1.120.093.831 |
| Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | (2.077.434.812) | - |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước | 585.582.992 | 6.989.771 |
| | 12.100.244.785 | 20.068.575.149 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2020 | 2019 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 114.326.733.674 | 161.277.401.727 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (13.000.000.000) | (16.628.335.315) |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | <u>101.326.733.674</u> | <u>144.649.066.412</u> |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|-------------------|
| | 2020 VND | 2019 VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) | 1.544.059.543.535 | 1.917.666.892.430 |
| Giao dịch khác | 914.399.613 | - |
| Mua nguyên vật liệu | 422.207.937.294 | 553.164.287.162 |
| Mua công cụ, dụng cụ | 389.750.000 | - |
| Cổ tức | 36.975.000.000 | 14.790.000.000 |
| Công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu | | |
| Bán hàng hóa | 28.602.000 | 1.550.000 |
| Mua công cụ, dụng cụ | 52.075.500 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 44.338.784 | - |
| Mượn công cụ, dụng cụ | 3.653.638 | - |
| Cổ tức | 2.402.400.000 | 3.603.600.000 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô | | |
| Mua hàng hóa | 32.940.000 | 27.361.819 |
| Cổ tức | 3.783.614.000 | 2.459.349.100 |
| Mượn công cụ, dụng cụ | - | 15.436.000 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn | | |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | - | 6.292.010.863 |
| Bán hàng hóa | - | 143.779.800 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co | | |
| Mua hàng hóa | 675.025.540 | 1.723.974.000 |
| Mua tài sản cố định | - | 150.000.000 |
| Mua dịch vụ | 100.000.000 | 523.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu | | |
| Mua hàng hóa | - | 746.111.300 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang | | |
| Bán hàng hoá | - | 50.904.000 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|----------------|
| | 2020 VND | 2019 VND |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung | | |
| Bán hàng hóa | - | 23.645.806 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông | | |
| Mua hàng hoá | - | 17.550.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền | | |
| Mua hàng hoá | 10.530.000 | 3.927.400 |
| Nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Lương, thưởng và các phúc lợi khác | 8.896.087.965 | 10.156.500.468 |

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

| | 2020 VND | 2019 VND |
|---|-------------|-------------|
| Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán | 413.420.098 | - |

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 24 tháng 2 năm 2021

Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc